

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 08 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Văn phòng Sở Công Thương
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 15 tháng 2 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Văn phòng Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	220	202,302	91,955	71,28
I	Số thu phí, lệ phí	220	202,302	91,955	71,28
2	Phí	220	202,302	91,955	71,277
	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	10	4,8	48,000	150,000
	Phí hoạt động Thương mại	30	55,7	185,667	85,957
	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	20	5,5	27,500	45,833
	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	20	20,25	101,250	60,780
	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	130	112,652	86,655	78,135
	Phí cấp Giấy đủ điều kiện kinh doanh hóa chất		1,2		
	Phí Cấp GCNĐĐK Sản xuất rượu, thuốc lá	10	2,2	22,000	25,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	184	148,2	80,52	702,86
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	184,00	148,15	80,52	702,86
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	36,00	47,56	132,11	78,62
2	Phí	36	47,56	132,11	78,62
	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	1	0,48	48,00	150,000
	Phí hoạt động Thương mại	15	27,85	185,67	85,957
	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	2	0,55	27,50	45,833

	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	4	6,08	151,88	60,780
	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	13	12,27	94,35	78,135
	Phí cấp Giấy đủ điều kiện kinh doanh hóa chất		0,12		
	Phí Cấp GCNĐĐK Sản xuất rượu, thuốc lá	1	0,22	22,00	25,000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.421,124	9.699,320	78,087	0,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.421,124	9.699,320	78,087	
1	Chi quản lý hành chính	9.448,505	8.957,857	94,807	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.445,433	5.140,162	94,394	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.003,072	3.817,695	95,369	
6	Chi hoạt động kinh tế	2.972,6	741,5	24,9	29,6
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.655,6	358,2	21,6	26,8
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.317,0	383,2	29,1	36,0

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Lê Trường

